

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 35/2022/TLST-VHN&GD ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận về nuôi con*” giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn T , sinh năm 1995;

ĐKHKT: TDP Đồng Xuân, phường Tiên Phong, T.P Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. Chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1997;

ĐKHKT: TDP Đồng Xuân, phường Tiên Phong, T.P Phổ Yên, Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (nay là phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 53 ngày 04/7/2019.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh T , chị N hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra bất đồng dẫn đến đời sống hôn nhân không đạt được mục đích. Do vậy, anh T , chị N cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 12 năm 2022 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: cháu Trần Quỳnh A , sinh ngày 31/10/2019. Anh T , chị N thoả thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung: cháu Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 31/10/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận việc anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi chị Nga có yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Về lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T , chị N thoả thuận tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật trong trường hợp anh T không nộp tiền cấp dưỡng theo thoả thuận ghi nhận khi chị Nga có đơn đề nghị thi hành án.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về vấn đề khác: Không có.

[6]. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn Tiếp và chị Nguyễn Thị Nga thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết yêu cầu việc Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thoả thuận về ly hôn mà không có đương sự nào ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung, đều nhất trí thoả thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: cháu Trần Quỳnh A , sinh ngày 31/10/2019. Anh T , chị N thoả thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung: Cháu Trần Quỳnh A , sinh ngày 31/10/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận việc anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi chị N có yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Về lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tiệp, chị Nga thoả thuận tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật trong trường hợp anh T không nộp tiền cấp dưỡng theo thoả thuận ghi nhận khi chị N có đơn đề nghị thi hành án.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với xác khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Về khoản nợ chung, cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Về vấn đề khác:* Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001281 ngày 02/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành

án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Tiên Phong (ĐKKH số 53 ngày 04/7/2019);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà